**Thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (Mã số TTHC: 1.000459)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện:**  | - Bước 1: Doanh nghiệp nộp hồ sơ xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động đến Bộ phận tiếp nhận của Ban quản lý các Khu công nghiệp Bắc Ninh.- Bước 2: Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, hồ sơ được chuyển từ Trung tâm Hành chính công tỉnh lên phòng Quản lý lao động để giải quyết.- Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ, lãnh đạo phòng QLLĐ ký phân giao cho chuyên viên phụ trách theo Khu công nghiệp.- Bước 4: Trong thời hạn 0,75 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ chuyên viên nghiên cứu hồ sơ và cho ý kiến:+ Nếu hồ sơ hợp lệ, in văn bản trình lãnh đạo phòng phê duyệt+ Nếu hồ sơ không hợp lệ ghi rõ nội dung không hợp lệ vào tờ quy trình chuyển lãnh đạo phòng xem xét.- Bước 5: Trong thời hạn 0,5 ngày lãnh đạo phòng ký duyệt nếu hồ sơ hợp lệ, hoặc có ý kiến vào hồ sơ nếu hồ sơ không hợp lệ.- Bước 6: Trong thời hạn 0,75 ngày lãnh đạo Ban ký duyệt nếu hồ sơ hợp lệ, hoặc có ý kiến vào hồ sơ nếu hồ sơ không hợp lệ.- Bước 7: Trong thời hạn 0,5 ngày văn thư đóng dấu chuyển sang Bộ phận Trả kết quả của Trung tâm Hành chính công tỉnh. |
| **Cách thức thực hiện:** | - Nộp trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận của Ban quản lý các Khu công nghiệp Bắc Ninh tại Trung tâm Hành chính công tỉnh *(Địa chỉ: số 11A, Lý Thái Tổ, Suối Hoa, Bắc Ninh)*- Hoặc ***nộp trực tuyến mức độ 3*** trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ: *dvc.bacninh.gov.vn*- Trả kết quả tại Bộ phận trả kết quả của Trung tâm Hành chính công tỉnh. |
| **Thành phần hồ sơ:** | **- Hồ sơ không thuộc diện cấp Giấy phép lao động bao gồm:**a) Văn bản đề nghị xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 09/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 152;b) Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 152;c) Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài;d) Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật;đ) Các giấy tờ để chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động;e) Các giấy tờ quy định tại điểm b, c và đ khoản 3 điều 8 Nghị định 152 là 01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực, nếu của nước ngoài thì phải hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt và có chứng thực trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật. |
| **Số lượng hồ sơ:** | 01 bộ hồ sơ |
| **Thời hạn giải quyết:** | 03 ngày làm việc kể từ ngày BQL nhận được bộ hồ sơ hợp lệ |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** | Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bắc Ninh. |
| **Cơ quan thực hiện TTHC:** | Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bắc Ninh. |
| **Đối tượng thực hiện TTHC:**  | Người nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp trong Khu công nghiêp  |
| **Kết quả thực hiện TTHC:** | Công văn miễn Giấy phép lao động  |
| **Lệ phí:** | Không. |
| **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | Văn bản đề nghị xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động mẫu 9 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.. |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | Đáp ứng nội dung điều 8 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC:** | - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.- Thông tư 23/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 8 năm 2017 v/v Hướng dẫn thực hiện cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam qua mạng điện tử.- Quyết định số 60/2008/QĐ-UBND ngày 09/5/2008 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và biên chế của Ban quản lý các Khu công nghiệp Bắc Ninh.- Nghị quyết số 80/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 80/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. |

**Mẫu số 09/PLI**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc--------------------** |
| Số: ……………V/v xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động | *..………, ngày …. tháng …. năm …….* |

Kính gửi: ……………..(1)…………..

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức: ………………………………………………………………

2. Loại hình doanh nghiệp/tổ chức (doanh nghiệp nhà nước/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/doanh nghiệp ngoài nhà nước/tổ chức …………………………………………….

3. Tổng số người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức: …………..người

Trong đó số người lao động nước ngoài đang làm việc là: ………………………người

4. Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………

5. Điện thoại: …………………………………………6. Email (nếu có) ……………………

7. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số: ……………………………………………………

Cơ quan cấp: ....……………………………… Có giá trị đến ngày: …………………………

Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động): ……………………………………………………………

8. Người nộp hồ sơ của doanh nghiệp/tổ chức để liên hệ khi cần thiết (số điện thoại, email): ……………………………………………………………………………………………………

Căn cứ văn bản số....(ngày ... tháng ... năm...) của… về việc chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài, (tên doanh nghiệp/tổ chức) đề nghị ……… (2) xác nhận những người lao động nước ngoài sau đây không thuộc diện cấp giấy phép lao động:

9. Họ và tên: ……………………………………………………………………………………

10. Ngày, tháng, năm sinh: ……………………… 11. Giới tính (Nam/Nữ): ………………

12. Quốc tịch: …………………………… 13. Số hộ chiếu: …………………………………

14. Cơ quan cấp: …………………………… 15. Có giá trị đến ngày: …………………….

16. Vị trí công việc: …………………………………………………………………………….

17. Chức danh công việc: …………………………………………………………………….

18. Hình thức làm việc: ………………………………………………………………………..

19. Trình độ chuyên môn (tay nghề) (nếu có): ……………………………………………..

20. Làm việc tại doanh nghiệp/tổ chức: …………………………………………………….

21. Địa điểm làm việc: ………………………………………………………………………..

22. Thời hạn làm việc: Từ (ngày... tháng ... năm...)…đến (ngày... tháng ... năm...)…..

23. Trường hợp lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (nêu rõ thuộc đối tượng nào quy định tại Điều Nghị định số……………): …………………………………..

24. Các giấy tờ chứng minh kèm theo (liệt kê tên các giấy tờ): ………………………..

Xin trân trọng cảm ơn!

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: ……….. | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC***(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** (1), (2) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm)/Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh, thành phố...